

HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MỞ Ở VIỆT NAM: TỪ TÀI NGUYÊN GIÁO DỤC MỞ ĐẾN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Trần Đại Hải¹

Email: hai.trandai@gmail.com. ORCID: 0009-0001-1046-2466

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 06/07/2026

Ngày hoàn thành đánh giá: 05/10/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 19/10/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1477

Tóm tắt: Bài viết rà soát cơ sở lý luận và khung thể chế, chính sách phát triển giáo dục mở ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số. Trên cơ sở tổng quan tài liệu và phân tích chính sách, bài viết xây dựng khung phân tích gồm bốn phương diện: vị trí pháp lý - thể chế của giáo dục mở; chính sách tài nguyên giáo dục mở (OER); bảo đảm chất lượng trong môi trường học tập số và linh hoạt; và công nhận/liên thông kết quả học tập. Kết quả cho thấy Việt Nam đã có nền tảng về xã hội học tập, học tập suốt đời, OER, đào tạo linh hoạt và bảo đảm chất lượng, nhưng các quy định còn phân tán. Bài viết kiến nghị chuyển chính sách từ phát triển OER như kho học liệu sang bảo đảm chất lượng sử dụng OER, quản trị dữ liệu/trí tuệ nhân tạo (AI) và thí điểm công nhận kết quả học tập linh hoạt.

Từ khóa: bảo đảm chất lượng, giáo dục mở, khung thể chế, chính sách giáo dục, tài nguyên giáo dục mở

I. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn và nền tảng học tập số đang làm thay đổi cách giáo dục được tổ chức, hỗ trợ và đánh giá. Người học có thể tiếp cận tài nguyên giáo dục mở (OER), khóa học trực tuyến, dữ liệu mở và công cụ AI; vì vậy, chính sách giáo dục không chỉ quản lý lớp học, chương trình và văn bằng, mà còn phải quan tâm tới học liệu, nền tảng, dữ liệu, đánh giá, hỗ trợ người học và quyền lợi của người học trong môi trường số.

Tại Việt Nam, giáo dục mở đã được đặt trong quan hệ với xã hội học tập, học tập suốt đời, chuyển đổi số và phát triển OER trong giáo dục đại học (GDĐH). Quyết định số 1373/QĐ-TTg và Quyết định số 1117/QĐ-TTg cho thấy giáo dục mở đã được nhìn nhận như một định hướng chính sách, không chỉ như một phương thức đào tạo (Thủ Tướng Chính Phủ, 2021a, 2023). Tuy nhiên, giáo dục mở vẫn dễ bị đồng nhất với đào tạo trực tuyến hoặc đào tạo từ xa, trong khi thực

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

tuyển và từ xa chỉ là phương thức tổ chức dạy - học; OER là thành tố quan trọng nhưng không bao quát toàn bộ giáo dục mở.

Các nghiên cứu về OER ở Việt Nam ghi nhận rào cản về hạ tầng, nhận thức, chính sách, bản quyền, năng lực triển khai và cơ chế chất lượng (Truong và cộng sự, 2021; Nguyen và cộng sự, 2025). Thực tiễn chính sách hiện nay cho thấy ít nhất bốn bất cập. Thứ nhất, giáo dục mở chưa có khung chính sách tích hợp, mà đang phân tán trong chính sách xã hội học tập (Quyết định số 1373/QĐ-TTg), OER trong GDĐH (Quyết định số 1117/QĐ-TTg; Thông tư số 61/2026/TT-BGDĐT), đào tạo linh hoạt và bảo đảm chất lượng (Thông tư số 56 và 57/2026/TT-BGDĐT). Thứ hai, OER mới được chú trọng nhiều ở xây dựng và khai thác học liệu; ngay cả Thông tư số 61/2026/TT-BGDĐT, dù đã mở rộng OER sang khóa học trực tuyến, dữ liệu học tập và tài nguyên số, vẫn cần kết nối thêm với tiêu chí chất lượng sử dụng OER trong chương trình, học phần, đánh giá và hỗ trợ người học. Thứ ba, kết quả học tập từ OER, khóa học trực tuyến mở đại chúng (MOOCs), chứng chỉ vi mô (micro-credentials) hoặc học tập qua nền tảng số chưa có cơ chế công nhận thống nhất; hiện chưa có văn bản pháp luật riêng trực tiếp quy định về chứng chỉ vi mô. Thứ tư, dữ liệu học tập, AI, xác thực danh tính, liên chính học thuật và bảo vệ người học đã xuất hiện trong một số quy định mới, nhưng chưa được kết nối thành cơ chế bảo đảm chất lượng riêng cho giáo dục mở.

Các bất cập này có thể khiến cơ sở giáo dục thiếu căn cứ thống nhất khi thiết kế học tập mở, còn người học khó chuyển hóa kết quả học tập linh hoạt thành tín

chỉ, chứng chỉ hoặc giá trị học thuật/nghề nghiệp được công nhận. Bài viết vì vậy rà soát khung thể chế, chính sách phát triển giáo dục mở ở Việt Nam, với trọng tâm là GDĐH nhưng đặt trong quan hệ liên thông với giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Giáo dục mở, OER và yêu cầu bảo đảm chất lượng

Giáo dục mở là định hướng giảm rào cản đối với học tập, mở rộng cơ hội tiếp cận tri thức, linh hoạt hóa lộ trình học tập và hỗ trợ học tập suốt đời. Tính mở có thể thể hiện ở đối tượng tiếp cận, thời gian, địa điểm, phương pháp, tài nguyên, công nghệ, sự tham gia của người học và khả năng công nhận kết quả học tập. Theo cách hiểu này, giáo dục mở rộng hơn OER và không đồng nhất với đào tạo trực tuyến hoặc đào tạo từ xa.

Peter và Deimann (2013) cho rằng tính mở trong giáo dục có lịch sử lâu dài, gắn với mở rộng tiếp cận tri thức và không nên bị giản lược thành công nghệ số. Weller (2014) xem tính mở là dịch chuyển về quyền tiếp cận, chia sẻ và tái sử dụng tri thức. Cronin (2017) nhấn mạnh giáo dục mở bao gồm tài nguyên mở và thực hành giáo dục mở, trong đó người học và giảng viên tham gia sử dụng, điều chỉnh, tạo lập và chia sẻ tri thức.

UNESCO (2019a) định nghĩa OER là tài liệu dạy học, học tập và nghiên cứu thuộc phạm vi công cộng hoặc được cấp phép mở, cho phép truy cập, sử dụng lại, điều chỉnh, chuyển đổi mục đích và phân phối lại. Wiley (2014) nhấn mạnh quyền 5R; Wiley và Hilton (2018) phát triển khái niệm phương pháp sư phạm dựa trên OER

(OER-enabled pedagogy), theo đó OER không chỉ giúp người học tiếp cận học liệu miễn phí, mà còn tạo điều kiện để họ tham gia tạo lập, chỉnh sửa, phối hợp và chia sẻ lại sản phẩm học tập có giá trị vượt ra ngoài phạm vi lớp học.

Các nghiên cứu về bảo đảm chất lượng trong học tập số và linh hoạt cho thấy tính mở cần đi kèm cơ chế chất lượng. Ehlers (2011) cho rằng chất lượng trong học tập điện tử/mở bao gồm chất lượng trải nghiệm, sự phù hợp với nhu cầu và hỗ trợ người học. Camilleri và cộng sự (2014) nhấn mạnh chất lượng OER phụ thuộc vào học liệu, bối cảnh sử dụng, quy trình bảo đảm chất lượng và năng lực người sử dụng. Trong bối cảnh AI tạo sinh, UNESCO (2023) đặt ra yêu cầu quản trị giáo dục số theo hướng lấy con người làm trung tâm, bảo vệ quyền riêng tư, công bằng, an toàn và trách nhiệm.

2.2. Công nhận học tập linh hoạt và khung phân tích thể chế

Các nghiên cứu về công nhận kết quả học tập linh hoạt và chứng chỉ vi mô cho

thấy công nhận là điều kiện để học tập mở có giá trị học thuật và xã hội. Oliver (2019) cho rằng chứng chỉ vi mô cần minh bạch về chuẩn đầu ra, khối lượng học tập, đánh giá và giá trị công nhận. Cách tiếp cận châu Âu cũng nhấn mạnh chất lượng, minh bạch, khả năng di động và công nhận (Council of the European Union, 2022; European Commission, 2024). Các công ước quốc tế về công nhận văn bằng đặt trọng tâm vào công bằng, minh bạch, không phân biệt đối xử và minh chứng học tập.

Từ các tiếp cận lý thuyết và nghiên cứu trên, bài viết xây dựng khung phân tích thể chế, chính sách giáo dục mở gồm bốn phương diện: vị trí pháp lý - thể chế của giáo dục mở; chính sách OER; bảo đảm chất lượng trong môi trường học tập số và linh hoạt; và công nhận/liên thông kết quả học tập. Khung này không được rút ra riêng từ các văn bản chính sách Việt Nam, mà được biện luận từ các nghiên cứu về giáo dục mở, OER, bảo đảm chất lượng và công nhận học tập linh hoạt.

Bảng 1. Khung phân tích thể chế, chính sách giáo dục mở

Phương diện	Cơ sở lý luận/nghiên cứu	Tiêu chí phân tích
Vị trí pháp lý - thể chế	Giáo dục mở giảm rào cản, mở rộng tiếp cận, linh hoạt hóa lộ trình và hỗ trợ học tập suốt đời.	Được định vị như định hướng hệ thống, hình thức đào tạo hay phương thức tổ chức? Có bị đồng nhất với trực tuyến/từ xa/OER không?
Chính sách OER	OER là tài nguyên có giấy phép mở, cho phép sử dụng lại, điều chỉnh, phối hợp và phân phối lại.	Chính sách có dừng ở kho học liệu không? Có tiêu chí về giấy phép, chất lượng, tích hợp, đánh giá và hỗ trợ người học không?
Bảo đảm chất lượng	Giáo dục mở cần chuẩn đầu ra, đánh giá đáng tin cậy, hỗ trợ người học, dữ liệu, xác thực, liên chính và bảo vệ người học.	Có cơ chế chất lượng cho học trực tuyến, từ xa, OER, AI và dữ liệu học tập không?
Công nhận/liên thông	Công nhận học tập linh hoạt cần dựa trên chuẩn đầu ra, minh chứng, chất lượng đánh giá, minh bạch và không phân biệt phương thức học.	Kết quả từ OER, MOOCs, chứng chỉ vi mô có thể được công nhận không? Điều kiện, thẩm quyền và mức chuyển đổi ra sao?

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

III. Phương pháp, vật liệu nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính dựa trên tổng quan tài liệu có định hướng và phân tích chính sách. Dữ liệu gồm văn bản pháp luật, chính sách của Việt Nam về giáo dục mở, giáo dục thường xuyên, GDĐH, giáo dục nghề nghiệp (GDNN), OER, chuyển đổi số, bảo đảm chất lượng, công nhận văn bằng và liên thông; văn kiện quốc tế về OER, công nhận văn bằng, AI trong giáo dục; và các nghiên cứu gần đây về OER, giáo dục mở, chứng chỉ vi mô và bảo đảm chất lượng.

Tài liệu được lựa chọn theo bốn tiêu chí: liên quan trực tiếp; có thẩm quyền hoặc độ tin cậy học thuật; tính cập nhật; và khả năng làm rõ bối cảnh Việt Nam. Trên cơ sở Bảng 1, tài liệu được mã hóa theo bốn nhóm: vị trí pháp lý - thể chế; chính sách OER; bảo đảm chất lượng trong môi trường số và linh hoạt; công nhận/liên thông kết quả học tập.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận
4.1. Khung pháp luật và chính sách hiện hành về giáo dục mở ở Việt Nam

Ở cấp chủ trương và định hướng chính sách, giáo dục mở cần được đặt trong bối cảnh đổi mới giáo dục, chuyển đổi số và xã hội học tập. Nghị quyết số 57-NQ/TW nhấn mạnh hoàn thiện thể chế cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

và chuyển đổi số; Nghị quyết số 71-NQ/TW và Nghị quyết số 248/2025/QH15 đặt yêu cầu đột phá phát triển giáo dục (Bộ Chính trị, 2024, 2025; Quốc hội, 2025).

Ở cấp luật và quy chế, Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15, tiếp tục đặt nền tảng cho hệ thống giáo dục mở, liên thông, gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên. Trong GDĐH, Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 và Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 tạo cơ sở pháp lý cho tự chủ, chuẩn chương trình, bảo đảm chất lượng, chuyển đổi số, chứng chỉ giáo dục đại học, công nhận kết quả học tập tích lũy và các mô hình đào tạo linh hoạt. Cụm thông tư năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) cụ thể hóa các định hướng này ở các lĩnh vực chương trình đào tạo, quy chế đào tạo đại học, bảo đảm chất lượng, OER và công nhận văn bằng nước ngoài.

Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT (TT56) có ý nghĩa trực tiếp đối với giáo dục mở vì phân biệt hình thức đào tạo với phương thức tổ chức đào tạo: hình thức gồm chính quy và thường xuyên, còn trực tiếp, trực tuyến, từ xa hoặc kết hợp là phương thức tổ chức đào tạo. Cách tiếp cận này có tiềm năng giảm phân mảnh theo “hệ” đào tạo, chuyển trọng tâm sang chuẩn đầu ra, khối lượng học tập, điều kiện chất lượng và trách nhiệm giải trình.

Bảng 2. Sự dịch chuyển từ quy chế phân tách sang quy chế thống nhất trong đào tạo trình độ đại học

Nội dung	Trước TT56	Theo TT56	Ý nghĩa đối với giáo dục mở
Cách phân loại	Chính quy, VLVH, từ xa thường được nhìn như các “hệ” khác nhau.	Phân biệt hình thức với phương thức; hình thức gồm chính quy và thường xuyên.	Giảm định kiến theo hệ học; trọng tâm là chuẩn đầu ra và chất lượng.
Từ xa	Có quy chế riêng; dễ được nhìn như hình thức song song với chính quy.	Là phương thức tổ chức đào tạo, cùng trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp.	Là công cụ học tập linh hoạt, không phải nhãn làm giảm tính chính thống.

Nội dung	Trước TT56	Theo TT56	Ý nghĩa đối với giáo dục mở
Chương trình và chất lượng	Dễ tạo cảm giác mỗi hệ có chương trình hoặc chuẩn riêng.	Một chương trình áp dụng thống nhất; chất lượng gắn với chuẩn đầu ra và điều kiện bảo đảm chất lượng.	Mở về phương thức không đồng nghĩa hạ chuẩn.
Công nhận/chuyển đổi	Quy định còn phân tán theo các quy chế và thỏa thuận.	Công nhận, chuyển đổi chứng chỉ, tín chỉ và miễn trừ học phần trong khung chung.	Mở đường cho học tập linh hoạt; cần hướng dẫn thêm cho OER, MOOCs và chứng chỉ vi mô.

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

4.2. Từ chính sách OER đến yêu cầu bảo đảm chất lượng

Trọng tâm nổi bật của chính sách giáo dục mở gần đây ở Việt Nam là OER. Đây là hướng đi phù hợp với xu thế quốc tế, bởi OER có thể mở rộng tiếp cận, giảm chi phí học liệu, hỗ trợ chia sẻ tri thức và thúc đẩy đổi mới sư phạm. Tuy nhiên, tác động của OER không tự động xuất hiện chỉ nhờ số hóa hoặc công bố học liệu; nó phụ thuộc vào chất lượng học liệu, giấy phép mở, năng lực sử dụng của giảng viên và người học, tích hợp vào chương trình và cơ chế đánh giá.

Thông tư số 61/2026/TT-BGDĐT mở rộng OER sang giáo trình, bài giảng, khóa học trực tuyến, học liệu đa phương tiện, dữ liệu học tập và tài nguyên theo giấy phép mở; đồng thời gắn OER với sở hữu trí tuệ, AI, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, định danh và xác thực điện tử. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng, nhưng để tạo giá trị thực chất cần phát triển thêm tiêu chí chất lượng sử dụng OER trong học phần, nhiệm vụ học tập, đánh giá, phản hồi và hỗ trợ người học.

Kết quả rà soát tổng quan cho thấy nhiều cơ sở GDĐH đã quan tâm đến OER nhưng còn gặp khó khăn về nhận thức, năng lực triển khai, chính sách nội bộ, chất lượng học liệu và cơ chế chia sẻ (Nguyễn và cộng sự, 2025). Vì vậy, chính sách OER cần được mở rộng thành chính sách bảo

đảm chất lượng giáo dục mở, chuyển từ “mở học liệu” sang “bảo đảm chất lượng của việc học bằng học liệu mở”.

4.3. Thách thức mới của chuyển đổi số đối với thể chế giáo dục mở

Chuyển đổi số làm cho giáo dục mở đối diện với các thách thức vượt ra ngoài học liệu. Trước hết là dữ liệu và quyền riêng tư: nền tảng học tập có thể thu thập dữ liệu về tiến độ, tương tác và kết quả học tập. Nếu thiếu nguyên tắc quản trị dữ liệu, dữ liệu học tập có thể bị dùng để giám sát thay vì hỗ trợ người học.

Thứ hai là AI và học liệu do AI hỗ trợ. UNESCO (2023) khuyến nghị AI tạo sinh trong giáo dục cần được quản lý theo hướng lấy con người làm trung tâm, có quy định về quyền riêng tư, công bằng, an toàn và trách nhiệm. Với giáo dục mở, câu hỏi không chỉ là AI tạo ra học liệu gì, mà là học liệu đó có đáng tin cậy, có giấy phép rõ ràng, có được giảng viên kiểm soát chất lượng và có bảo vệ người học hay không.

Thứ ba là liên chính học thuật, xác thực danh tính và đánh giá trong môi trường linh hoạt. Các quy định mới tạo cơ sở ban đầu để tăng cường tính xác thực của kết quả đánh giá, dữ liệu đào tạo, liên chính học thuật và quyền lợi hợp pháp của người học; tuy nhiên, hiệu quả thực thi còn cần được kiểm chứng qua quá trình triển khai tại cơ sở giáo dục.

4.4. Công nhận kết quả học tập và yêu cầu hội nhập quốc tế

Công nhận kết quả học tập là khâu chuyển hóa quá trình học tập thành giá trị pháp lý, tín chỉ, chứng chỉ hoặc văn bằng. Tuy nhiên, đây không phải mục tiêu duy nhất của giáo dục mở; giáo dục mở trước hết hướng tới mở rộng cơ hội học tập, phát triển năng lực, hỗ trợ học tập suốt đời và tăng khả năng tiếp cận tri thức.

Về giá trị pháp lý, cần phân biệt văn bằng trong hệ thống giáo dục quốc dân với chứng nhận học tập linh hoạt. Với hình thức chính quy hoặc thường xuyên được tổ chức hợp pháp, dù triển khai bằng phương thức trực tiếp, trực tuyến, từ xa hoặc kết hợp, người học được cấp bằng khi tích lũy đủ học phần, tín chỉ, đạt chuẩn đầu ra và điều kiện tốt nghiệp. Ngược lại, chứng nhận từ OER, MOOCs, chứng chỉ vi mô hoặc tự học qua nguồn mở chưa mặc nhiên có giá trị tín chỉ hay văn bằng nếu chưa được cơ sở đào tạo xem xét công nhận theo quy chế và chuẩn chất lượng tương ứng.

Từ góc độ hội nhập, các công ước công nhận văn bằng như Lisbon, Tokyo và Global Convention gọi mở nguyên tắc công nhận công bằng, minh bạch, không phân biệt đối xử và dựa trên minh chứng học tập (Council of Europe và UNESCO, 1997; UNESCO, 2011, 2019b). Việc

nghiên cứu tham gia các công ước này có thể cung cấp nguyên tắc tham chiếu, nhưng không tự động tạo ra cơ chế công nhận đối với OER, MOOCs hoặc chứng chỉ vi mô. Cơ chế này vẫn cần được nội luật hóa, hướng dẫn, thí điểm và kiểm chứng trong thực tiễn.

Kế hoạch sau tham chiếu Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF) với Khung tham chiếu trình độ ASEAN (AQRF) giai đoạn 2026-2030 (Bộ GDĐT, 2026) cho thấy công nhận trình độ là nhiệm vụ có lộ trình, gồm thỏa thuận công nhận trình độ với ASEAN giai đoạn 2027-2030, nghiên cứu tham gia Công ước Tokyo năm 2029, Công ước UNESCO toàn cầu năm 2030 và cập nhật Báo cáo tham chiếu AQRF năm 2030.

4.5. Khoảng trống thể chế và định hướng hoàn thiện

Từ các phân tích trên, khoảng trống lớn nhất không phải là Việt Nam thiếu văn bản liên quan đến giáo dục mở, mà là thiếu một khung chính sách tích hợp để kết nối xã hội học tập, OER, chuẩn chương trình, phương thức tổ chức đào tạo, dữ liệu/AI, bảo đảm chất lượng và công nhận kết quả học tập. Khung này cần vượt ra ngoài GDĐH, vì giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp là các điểm vào và điểm quay lại của học tập suốt đời.

Bảng 3. Khuyến nghị ưu tiên hoàn thiện chính sách giáo dục mở

Ưu tiên chính sách	Chủ thể chính/công cụ	Lộ trình/căn cứ	Tiêu chí đánh giá
Khung chính sách tích hợp	Chính phủ, Bộ GDĐT; đề án/hướng dẫn quốc gia.	2026-2027: chính sách nền đã có nhưng còn phân tán.	Có định nghĩa, phạm vi, trụ cột và phân công.
Chất lượng sử dụng OER	Bộ GDĐT, cơ sở GDĐH; tiêu chí tích hợp OER.	Ngay/ngắn hạn: TT61/2026 đã tạo cơ sở về OER.	Số học phần có OER được thẩm định, tích hợp và đánh giá.
Chất lượng đào tạo linh hoạt	Bộ GDĐT, cơ sở giáo dục, tổ chức kiểm định; tiêu chí về dữ liệu, xác thực, đánh giá.	Ngắn-trung hạn: TT56, TT57/2026 đã đặt nền móng.	Có tiêu chí về dữ liệu, xác thực, hỗ trợ và liên chính.

Ưu tiên chính sách	Chủ thể chính/công cụ	Lộ trình/căn cứ	Tiêu chí đánh giá
Thí điểm chứng chỉ vi mô/ MOOCs	Bộ GDĐT, cơ sở GDDH/ GDNN, doanh nghiệp; thí điểm theo kỹ năng ưu tiên.	2028-2029: khung pháp lý còn mỏng; cần thí điểm có kiểm soát.	Số thí điểm có chuẩn đầu ra, đánh giá, xác thực và khả năng chuyển đổi.
Công nhận/ liên thông học tập mở	Bộ GDĐT, Cục Quản lý chất lượng, Cục Hợp tác quốc tế, cơ sở đào tạo.	2029-2030: gắn với Tokyo 2029, Global Convention 2030 và AQRF 2030.	Có quy trình công nhận minh bạch và đối chiếu VQF/ AQRF.

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

Ghi chú: Lộ trình được xác định theo cơ sở pháp lý hiện có, nhiệm vụ đã giao, yêu cầu kỹ thuật và mức độ phụ thuộc vào hợp tác/cam kết quốc tế.

V. Kết luận và kiến nghị

Bài viết đã rà soát khung thể chế, chính sách phát triển giáo dục mở ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số. Kết quả cho thấy Việt Nam đã có nền tảng về hệ thống giáo dục mở, xã hội học tập, học tập suốt đời, đào tạo linh hoạt và OER. Tuy nhiên, chính sách giáo dục mở vẫn cần kết nối hệ thống hơn giữa OER, chất lượng sử dụng tài nguyên, dữ liệu, AI, liên chính học thuật, công nhận kết quả học tập mở và liên thông giữa các bậc học.

Từ đó, bài viết kiến nghị xây dựng khung chính sách tích hợp về giáo dục mở; cụ thể hóa tiêu chí chất lượng cho OER và phương thức đào tạo linh hoạt; phát triển cơ chế quản trị dữ liệu, AI, xác thực danh tính và bảo vệ người học; thí điểm công nhận một phần kết quả từ chứng chỉ vi mô, MOOCs hoặc học tập qua OER; và bổ sung nhánh chính sách cho GDNN, phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Nghiên cứu này chủ yếu dựa trên phân tích văn bản và tài liệu thứ cấp, chưa có dữ liệu thực thi từ cơ sở giáo dục, tổ chức kiểm định, doanh nghiệp và người học. Vì vậy, các nhận định về tác động của chính sách OER, đào tạo linh hoạt, bảo đảm chất lượng số và công nhận kết quả học tập mở cần được hiểu như phân tích chính sách, chưa phải kết luận thực nghiệm. Nghiên

cứ tiếp theo cần khảo sát thực thi tại cơ sở giáo dục, chất lượng trải nghiệm học tập và khả năng công nhận kết quả từ MOOCs, OER hoặc chứng chỉ vi mô.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Chính trị. (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
- Bộ Chính trị. (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2026a). *Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2026b). *Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2026c). *Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT quy định về bảo đảm chất lượng giáo dục*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2026d). *Thông tư số 61/2026/TT-BGDĐT quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên giáo dục mở trong hoạt động giáo dục đại học*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2026e). *Thông tư số 65/2026/TT-BGDĐT quy định về công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam*.
- Camilleri, A. F., Ehlers, U.-D., & Pawlowski, J. (2014). *State of the art review of quality issues related to open educational resources (OER)*. Publications Office of the European Union.

- Council of Europe & UNESCO. (1997). *Convention on the Recognition of Qualifications concerning Higher Education in the European Region*.
- Council of the European Union. (2022). *Council recommendation of 16 June 2022 on a European approach to micro-credentials for lifelong learning and employability*.
- Cronin, C. (2017). Openness and praxis: Exploring the use of open educational practices in higher education. *The International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 18(5), 15-34.
- Ehlers, U.-D. (2011). Extending the territory: From open educational resources to open educational practices. *Journal of Open, Flexible and Distance Learning*, 15(2), 1-10.
- European Commission. (2024). *A European approach to micro-credentials*.
- Nguyen, T. H. H., Le, T. M. T., Nguyen, T. V. D., và Mac, V. H. (2025). Promoting open educational resources for higher education in Vietnam. *ASEAN Journal of Open and Distance Learning*, 17(2), 60-81. <https://doi.org/10.64233/LVTM2762>
- Oliver, B. (2019). *Making micro-credentials work for learners, employers and providers*. Deakin University.
- Peter, S., & Deimann, M. (2013). On the role of openness in education: A historical reconstruction. *Open Praxis*, 5(1), 7-14.
- Quốc hội. (2018). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14*.
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14*.
- Quốc hội. (2025a). *Luật số 123/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục*.
- Quốc hội. (2025b). *Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15*.
- Quốc hội. (2025c). *Nghị quyết số 248/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2021a). *Quyết định số 1373/QĐ-TTg phê duyệt Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2023). *Quyết định số 1117/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình xây dựng mô hình nguồn tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học*.
- Truong, V., Denison, T., & Stracke, C. M. (2021). Developing institutional open educational resource repositories in Vietnam: Opportunities and challenges. *The International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 22(4), 109-124. <https://doi.org/10.19173/irrodl.v23i1.5582>
- UNESCO. (2011). *Asia-Pacific regional convention on the recognition of qualifications in higher education*.
- UNESCO. (2019a). *Recommendation on open educational resources (OER)*.
- UNESCO. (2019b). *Global convention on the recognition of qualifications concerning higher education*.
- UNESCO. (2023). *Guidance for generative AI in education and research*.
- Weller, M. (2014). *The battle for open: How openness won and why it does not feel like victory*. Ubiquity Press.
- Wiley, D. (2014). *Defining the “open” in open content and open educational resources*.
- Wiley, D., & Hilton, J. L., III. (2018). Defining OER-enabled pedagogy. *The International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 19(4), 133-147.

IMPROVING THE INSTITUTIONAL AND POLICY FRAMEWORK FOR OPEN EDUCATION IN VIETNAM: FROM OPEN EDUCATIONAL RESOURCES TO QUALITY ASSURANCE IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION

Tran Dai Hai¹

Abstract: *This article reviews the theoretical basis and policy framework for open education in Vietnam in the context of digital transformation. Using review and policy analysis, it develops a four-dimensional framework: legal-institutional position; open educational resources (OER) policy; quality assurance in digital/flexible learning; and recognition/articulation of learning outcomes. The findings show that Vietnam has important foundations for a learning society, lifelong learning, OER, flexible learning and quality assurance, but regulations remain dispersed. The article recommends shifting from OER repositories to quality assurance of OER use, data/AI governance and pilot recognition of flexible learning outcomes.*

Keywords: *education policy, institutional framework, open education, open educational resources, quality assurance*

¹ Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam